

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/HSST
Ngày 20-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Hóa

Ông Vũ Văn Lầy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hào, Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2023/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2023/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2023/QĐST-HS, ngày 04 tháng 7 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Phạm TA; tên gọi khác: D, E; sinh ngày 19/5/1997; giới tính Nam; nơi sinh: H; nơi cư trú: Số X đường Trần Tất V, phường P, quận K, thành phố H. Dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam, tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hoá 10/12. Con ông Phạm Anh T, sinh năm 1960; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; bị cáo chưa có vợ, con. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/11/2022 đến ngày 17/11/2022 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố H. (Có mặt).

2. Trịnh Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 23/11/1996, giới tính Nam, nơi sinh: H; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện A, thành phố H. Dân tộc Kinh, quốc tịch Việt Nam, tôn giáo: Không, nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hoá: 8/12. Con ông Trịnh Văn T, sinh năm 1962; con bà Lưu Thị T, sinh năm 1965; gia đình có bốn chị em, bị cáo là con thứ tư; bị cáo chưa có vợ, con. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2023. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

(1) Anh Phạm Minh T; sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ X, phường L, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(2) Anh Trần Minh S; sinh năm 2001; địa chỉ: Nhà số Z B, phường B, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(3) Bà Đặng Thị H; sinh năm 1952; địa chỉ: Nhà số C Q, phường P, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(4) Anh Nguyễn Thành L; sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ V, phường T, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(5) Anh Trần Quang H; sinh năm 1991; địa chỉ: Số B H, phường B, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(6) Bà Nguyễn Thị K; sinh năm 1957; địa chỉ: Số N Q, phường P, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(7) Anh Nguyễn Anh V; sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ M, phường B, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(8) Anh Bùi Quang H; sinh năm 1996; địa chỉ: Số L M, phường B, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(9) Anh Nguyễn Hoàng N; sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ Q L, phường T, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(10) Anh Trần Hải L; sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ T, phường T, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(11) Anh Nguyễn Ngọc P; sinh năm 2001; địa chỉ: Số T T, phường V, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(12) Anh Phạm Thanh T; sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà S T, phường L, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(13) Anh Vũ Minh Q; sinh năm 2001; địa chỉ: Nhà số F L, phường P, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(14) Anh Phạm Lâm P; sinh năm 2001; địa chỉ: Số J Đ, phường N, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(15) Chị Trần Thị Thu H; sinh năm 1996; địa chỉ: Ngõ H T, phường T, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(16) Anh Bùi Việt A; sinh năm 2001; địa chỉ: Số J P, phường T, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(17) Anh Bùi Văn C; sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn L, xã M, huyện A, thành phố H; (Vắng mặt).

(18) Bà Đinh Thị T; sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ N, phường V, quận K, thành phố H; (Vắng mặt).

(19) Bà Đặng Thị Kim C; sinh năm 1973; địa chỉ: Số Z P, phường J, quận G, thành phố H; (Vắng mặt).

(20) Chị Võ Như N; sinh ngày 03/02/2005; địa chỉ: Khu chung cư K, phường J, quận G, thành phố H; (Vắng mặt).

(21) Chị Lê Thị Mỹ H; sinh năm 2003; địa chỉ: Số S N, phường A, quận G, thành phố H; (Vắng mặt).

(22) Anh Đào Ngọc T; sinh năm 1974; địa chỉ: Số F khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh B; (Vắng mặt).

- **Người làm chứng:** Nguyễn Huy H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng giữa năm 2022, Phạm TA sử dụng nguồn tiền của cá nhân hoạt động cho vay lãi theo 02 hình thức: Vay lãi đúng (hay còn gọi là vay lãi tháng hoặc vay lãi năm) và vay họ góp. Vay lãi đúng là các đối tượng cho khách hàng vay tiền và trả tiền lãi cố định theo hàng kỳ (Có thể theo kỳ 15 ngày hoặc 01 tháng), việc thu tiền lãi hàng kỳ được diễn ra không giới hạn thời gian, chỉ dừng lại khi khách trả lại đủ cho các đối tượng số tiền gốc đã vay ban đầu (gọi là tất toán khoản vay). Vay họ góp là các đối tượng cho khách vay tiền, tính trước tiền lãi và thỏa thuận số ngày trả tiền; tổng số tiền gốc và tiền lãi được chia đều cho số ngày trả tiền, khách phải trả số tiền này cho các đối tượng theo ngày, số tiền phải trả trong mỗi ngày là như nhau. Việc thu tiền chỉ dừng lại khi khách đóng tiền đủ số ngày đã thỏa thuận hoặc trả trước toàn bộ số tiền của các ngày chưa đóng tiền cho các đối tượng (gọi là tất toán khoản vay).

Để dễ dàng quản lý số lượng khách vay tiền, TA đã sử dụng ứng dụng quản lý cầm đồ có tên MeCash. Đây là một ứng dụng được sử dụng để nhập dữ liệu thông tin khách vay tiền và lịch sử thu, chi tiền, toàn bộ dữ liệu được lưu trữ trên Internet, có thể dễ dàng đăng nhập và sử dụng ở mọi nơi thông qua các thiết bị di động có kết nối mạng. TA truy cập vào trang Web: ag.mecash.vn rồi nhập tên đăng nhập: duykahp và mật khẩu: duy123 vào tài khoản trên để sử dụng. Đối chiếu từ dữ liệu khai thác được trong ứng dụng MeCash và lời khai của các đối tượng, lời khai của các khách vay, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K đã chứng minh được tại địa bàn quận K, Phạm TA tự thực hiện hoạt động cho vay một mình; tại địa bàn thành phố H, Phạm TA kết hợp cùng Trịnh Văn T và tại địa bàn tỉnh B, Phạm TA kết hợp cùng Nguyễn Huy H để tìm kiếm khách hàng vay tại các địa bàn này.

Tất cả các giao dịch vay tiền cụ thể như sau:

1. Các khách có giao dịch vay tiền với Phạm TA tại quận K, thành phố H:

1.1. Anh Phạm Minh T (sinh năm 1983, nơi cư trú Tổ X, phường L, quận K, thành phố H) có 04 khoản vay:

Phạm TA cho anh T vay theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh T đã vay của TA 04 khoản vay cụ thể:

- *Lần 1:* Ngày 24/06/2022, anh T vay của TA số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh T đã trả tiền lãi cho TA tổng cộng 03 kỳ thì tắt toán khoản vay. Tổng số tiền lãi anh T đã trả là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 493.151 đồng (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi ba đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **4.006.849 đồng (Bốn triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).**

- *Lần 2:* Ngày 13/9/2022, anh T vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T đã trả tiền lãi cho TA 01 kỳ thì tắt toán khoản vay. Tổng số tiền lãi anh T đã trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 82.192 đồng (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **667.808 đồng (Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).**

- *Lần 3:* Ngày 20/10/2022, anh T vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T đã trả tiền lãi cho TA 01 kỳ thì bị công an phát hiện. Tiền gốc anh T chưa thanh toán là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh T đã trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 82.192 đồng (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **667.808 đồng (Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).**

- *Lần 4:* Ngày 04/11/2022, anh T vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh T đã trả tiền lãi cho TA 01 kỳ thì bị công an phát hiện. Số tiền gốc anh T chưa thanh toán là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh T đã trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 82.192 đồng (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **667.808 đồng (Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).**

1.2. Anh Trần Minh S (sinh năm 2001, nơi cư trú Nhà số Z B, phường B, quận K, thành phố H) có 01 khoản vay:

Ngày 21/9/2022, anh S vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy

trăm năm mươi nghìn đồng). Anh S đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì bị công an phát hiện. Số tiền gốc anh S chưa thanh toán là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh S đã trả là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 164.384 đồng (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.335.616 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)**.

1.3. Bà Đặng Thị H (sinh năm 1952, nơi cư trú trú Nhà số C Q, phường P, quận K, thành phố H) có 02 khoản vay:

- *Lần 1:* Ngày 18/9/2022, bà H vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 40 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Bà H đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi bà H đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 109.589 đồng (Một trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **890.411 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng)**.

- *Lần 2:* Ngày 24/10/2022, bà H vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 40 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Bà H đã đóng được 15 ngày thì việc cho vay của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc bà H đã trả là 1.875.000 đồng (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), số tiền gốc chưa trả là 3.125.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Số tiền lãi bà H đã trả là 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 41.096 đồng (Bốn mươi một nghìn ba trăm chín sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **333.904 đồng (Ba trăm ba mươi ba nghìn chín trăm linh bốn đồng)**.

1.4. Anh Nguyễn Thành L (sinh năm 1999, nơi cư trú Tổ V, phường T, quận K, thành phố H) có 04 khoản vay:

- *Lần 1:* Ngày 29/9/2022, anh L vay của TA số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 15 ngày) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Anh L đã trả tiền lãi cho TA 03 kỳ thì bị công an phát hiện. Số tiền gốc anh L chưa trả là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh L đã trả là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 986.301 đồng (Chín trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **8.013.699 đồng (Tám triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng)**.

- *Lần 2:* Ngày 02/10/2022, anh L vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh L

đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi anh L đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).**

- *Lần 3:* Ngày 18/10/2022, anh L vay của TA số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh L đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi anh L đã trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.959 đồng (Bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **4.589.041 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).**

- *Lần 4:* Ngày 28/10/2022, anh L vay của TA số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh L đã đóng được 11 ngày thì việc cho vay của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh L đã trả là 9.167.000 đồng (Chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), số tiền gốc chưa trả là 15.833.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng). Số tiền lãi anh L đã trả là 1.833.333 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 150.685 đồng (Một trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.682.648 đồng (Một triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng).**

1.5. Anh Trần Quang H (sinh năm 1991, nơi cư trú Số B H, phường B, quận K, thành phố H) có 01 khoản vay:

Ngày 01/11/2022, anh H vay của TA số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Anh H đã trả tiền lãi cho TA 01 kỳ thì việc cho vay của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh H chưa trả là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Số tiền lãi anh H đã trả là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 493.151 đồng (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.106.849 đồng (Ba triệu một trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).**

1.6. Bà Nguyễn Thị K (sinh năm 1957, nơi cư trú số Số N Q, phường P, quận K, thành phố H) có 7 khoản vay:

- *Lần 1:* Ngày 28/7/2022, bà K vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất

cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Bà K đã trả tiền lãi cho TA 04 kỳ thì việc cho vay của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc bà K chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Do bà K nợ lại 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) nên tổng số tiền lãi bà K đã trả là 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.971.233 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 2:* Ngày 21/8/2022, bà K vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 40 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Bà K đã tất toán khoản vay. Số tiền lãi bà K đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 109.589 đồng (Một trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **890.411 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng)**.

- *Lần 3:* Ngày 14/9/2022, bà K vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 40 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Bà K đã tất toán khoản vay. Số tiền lãi bà K đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 109.589 đồng (Một trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **890.411 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng)**.

- *Lần 4:* Ngày 17/9/2022, bà K vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 40 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Bà K đã tất toán khoản vay. Số tiền lãi bà K đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 109.589 đồng (Một trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **890.411 đồng (Tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng)**.

- *Lần 5:* Ngày 29/9/2022, bà K vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Bà K đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì việc cho vay của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc bà K chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi bà K đã trả là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 164.384 đồng (Một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.035.616 đồng (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)**.

- *Lần 6*: Ngày 22/10/2022, bà K vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức họ góp (trả trong 40 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Bà K đã đóng được 17 ngày thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc bà K đã trả là 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng), số tiền gốc bà K chưa trả là 2.875.000 đồng (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Số tiền lãi bà K đã trả là 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 46.575 đồng (Bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **387.425 đồng (Ba trăm tám bảy nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng)**.

- *Lần 7*: Ngày 03/11/2022, bà K vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức họ góp (trả trong 40 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Bà K đã đóng được 05 ngày thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc bà K đã trả là 541.650 đồng (Năm trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng), số tiền gốc chưa trả là 4.458.350 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn ba trăm năm mươi đồng). Do bà K nợ lại 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) nên số tiền lãi bà K đã trả là 108.350 đồng (Một trăm linh tám nghìn ba trăm năm mươi đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 13.699 đồng (Mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **94.651 đồng (Chín mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi một đồng)**.

1.7. Anh Nguyễn Anh V (sinh năm 1986, nơi cư trú Tổ M, phường B, quận K, thành phố H) có 02 khoản vay:

- *Lần 1*: Ngày 18/6/2022, anh V vay của TA số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Anh V đã trả tiền lãi cho TA 05 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh V chưa thanh toán là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh V đã trả là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 821.918 đồng (Tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **5.178.082 đồng (Năm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng)**.

- *Lần 2*: Ngày 08/9/2022, anh V vay của TA số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Anh V đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh V chưa thanh toán là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh V đã trả là 2.400.000

đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **2.071.233 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

1.8. Anh Bùi Quang H (sinh năm 1996, nơi cư trú Số L M, phường B, quận K, thành phố H) có 17 khoản vay:

- *Lần 1:* Ngày 27/6/2022, anh H vay của TA số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh H đã trả tiền lãi cho TA tổng cộng 05 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh H chưa thanh toán là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). tổng số tiền lãi anh H đã trả là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 821.918 đồng (Tám trăm hai mươi một nghìn chín trăm mười tám đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **6.678.082 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng)**.

- *Lần 2:* Ngày 30/6/2022, anh H vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức họ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã tất toán khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 3:* Ngày 12/7/2022, anh H vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức họ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã tất toán khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 4:* Ngày 31/7/2022, anh H vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức họ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã tất toán khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 5:* Ngày 13/8/2022, anh H vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức họ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000

đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 6:* Ngày 24/8/2022, anh H vay của TA số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh H đã trả tiền lãi cho TA tổng cộng 03 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh H chưa thành toán là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh H đã trả là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 493.151 đồng (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **4.006.849 đồng (Bốn triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng)**.

- *Lần 7:* Ngày 27/8/2022, anh H vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 8:* Ngày 04/9/2022, anh H vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 82.192 đồng (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **917.808 đồng (Chín trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng)**.

- *Lần 9:* Ngày 05/9/2022, anh H vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 10:* Ngày 05/9/2022, anh H vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), theo hình thức lãi đúng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000

đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh H đã trả tiền lãi cho TA tổng cộng 02 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh H chưa thanh toán là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh H đã trả là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 164.384 đồng (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.335.616 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)**.

- *Lần 11*: Ngày 15/9/2022, anh H vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã trả toàn khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 12*: Ngày 30/9/2022, anh H vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã trả toàn khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 82.192 đồng (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **917.808 đồng (Chín trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng)**.

- *Lần 13*: Ngày 30/9/2022, anh H vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã trả toàn khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 14*: Ngày 11/10/2022, anh H vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã trả toàn khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.671.233 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng)**.

- *Lần 15*: Ngày 11/10/2022, anh H vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã

tất toán khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 82.192 đồng (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **917.808 đồng (Chín trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng).**

- *Lần 16:* Ngày 21/10/2022, anh H vay của TA số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã tất toán khoản vay. Số tiền lãi anh H đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.959 đồng (Bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **4.589.041 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).**

- *Lần 17:* Ngày 31/10/2022, anh H vay của TA số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) theo hình thức hộ góp (trả trong 30 ngày) với lãi suất 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 243,3%/năm, cao gấp 12,167 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh H đã đóng 26 ngày. Số tiền gốc anh H đã trả là 21.666.667 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền gốc chưa trả là 3.333.333 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Số tiền lãi anh H đã trả là 4.333.333 đồng (Bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 356.164 đồng (Ba trăm năm mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.977.169 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi chín đồng).**

1.9. Anh Nguyễn Hoàng N (sinh năm 2000, nơi cư trú Tổ Q L, phường T, quận K, thành phố H) có 05 khoản vay:

Phạm TA cho anh N vay theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh N đã vay của TA 05 khoản vay cụ thể:

- *Lần 1:* Ngày 15/6/2022, anh N vay của TA số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Anh N đã trả tiền lãi cho TA 21 ngày thì tất toán khoản vay. Số tiền lãi anh N đã trả là 1.575.000 đồng (Một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 172.603 đồng (Một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.402.397 đồng (Một triệu bốn trăm linh hai nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).**

- *Lần 2:* Ngày 22/7/2022, anh N vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Anh N đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì tất toán khoản vay. Tổng số tiền lãi anh N đã trả là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là

657.534 đồng (Sáu trăm năm bảy nghìn năm trăm ba tư đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng)**.

- *Lần 3*: Ngày 13/9/2022, anh N vay của TA số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Anh N đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh N chưa trả là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh N đã trả là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 493.151 đồng (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm một đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **4.006.849 đồng (Bốn triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng)**.

- *Lần 4*: Ngày 29/9/2022, anh N vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Anh N đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc Nam chưa trả là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh N đã trả là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 657.534 đồng (Sáu trăm năm bảy nghìn năm trăm ba tư đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **5.342.466 đồng (Năm triệu ba trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng)**.

- *Lần 5*: Ngày 05/10/2022, anh N vay của TA số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Anh N đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh N chưa trả là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh N đã trả là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 493.151 đồng (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm một đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **4.006.849 đồng (Bốn triệu không trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng)**.

1.10. Anh Trần Hải L (sinh năm 1996, nơi cư trú tổ T, phường T, quận K, H) có 05 khoản vay:

Phạm TA cho anh L vay theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh L đã vay của TA 05 khoản vay cụ thể:

- *Lần 1*: Ngày 26/5/2022, anh L vay của TA số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Anh L đã trả tiền lãi cho TA 03 kỳ và 24 ngày thì tất toán khoản vay. Tổng số tiền lãi anh L đã trả là 8.550.000 đồng (Tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 936.986 đồng (Chín trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **7.613.014 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười ba nghìn không trăm mười bốn đồng)**.

- *Lần 2*: Ngày 14/6/2022, anh L vay của TA số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Anh L đã trả tiền lãi cho TA 03 kỳ và 06 ngày thì tắt toán khoản vay. Tổng số tiền lãi anh L đã trả là 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 1.052.055 đồng (Một triệu không trăm năm hai nghìn không trăm năm lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **8.547.945 đồng (Tám triệu năm trăm bốn bảy nghìn chín trăm bốn lăm đồng)**.

- *Lần 3*: Ngày 14/07/2022, anh L vay của TA số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Anh L đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ và 06 ngày thì tắt toán khoản vay. Tổng số tiền lãi anh L đã trả là 4.950.000 đồng (Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 542.466 đồng (Năm trăm bốn hai nghìn bốn trăm sáu sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **4.407.534 đồng (Bốn triệu bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm ba tư đồng)**.

- *Lần 4*: Ngày 30/9/2022, anh L vay của TA số tiền 25.000.000 đồng (Hai lăm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh L đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh L chưa trả là 25.000.000 đồng (Hai lăm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh L đã trả là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 821.918 đồng (Tám trăm hai mươi nghìn chín trăm mười tám đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **6.678.082 đồng (Sáu triệu sáu trăm bảy tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng)**.

- *Lần 5*: Ngày 09/10/2022, anh L vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh L đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh L chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh L đã trả là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 164.384 đồng (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.335.616 đồng (Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)**.

1.11. Anh Nguyễn Ngọc P (sinh năm 2001, nơi cư trú số 16/939 T, phường V, quận K, H) có 02 khoản vay:

Phạm TA cho anh P vay theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh P đã vay của TA 02 khoản vay cụ thể:

- *Lần 1*: Ngày 02/10/2022, anh P vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Anh P đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh P chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh P đã trả là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 164.384 đồng (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư

đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.035.616 đồng (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)**.

- *Lần 2*: Ngày 12/10/2022, anh P vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Anh P đã trả tiền lãi cho TA 01 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh L chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Số tiền lãi anh P đã trả là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 82.192 đồng (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **517.808 đồng (Năm trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng)**.

1.12. Anh Phạm Thanh T (sinh năm 1996, nơi cư trú Số nhà S T, phường L, quận K, thành phố H) có 01 khoản vay:

Ngày 27/10/2022, anh T vay của TA số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Anh T đã trả tiền lãi cho TA 01 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh T chưa trả là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Số tiền lãi anh T đã trả là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 164.384 đồng (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.035.616 đồng (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng)**.

1.13. Anh Vũ Minh Q (sinh năm 2001, nơi cư trú Nhà số F L, phường P, quận K, thành phố H) có 02 khoản vay:

Phạm TA cho anh Q vay theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh Q đã vay của TA 02 khoản vay cụ thể:

- *Lần 1*: Ngày 15/6/2022, anh Q vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Q đã trả tiền lãi cho TA 05 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh Q chưa thanh toán là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh Q đã trả là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.959 đồng (Bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **3.339.041 đồng (Ba triệu ba trăm Ba mươi chín nghìn không trăm bốn mươi mốt đồng)**.

- *Lần 2*: Ngày 29/8/2022, anh Q vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Q đã trả tiền lãi cho TA 03 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh Q chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh Q đã trả là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 246.575 đồng (Hai trăm bốn sáu nghìn

năm trăm bảy mươi lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **2.003.425 đồng** (*Hai triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai lăm đồng*).

1.14. Anh Phạm Lâm P (sinh năm 2001, nơi cư trú Số J Đ, phường N, quận K, thành phố H) có 01 khoản vay:

Ngày 25/8/2022, anh P vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Q đã trả tiền lãi cho TA 03 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh P chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh Q đã trả là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 246.575 đồng (Hai trăm bốn sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **2.003.425 đồng** (*Hai triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai lăm đồng*).

1.15. Chị Trần Thị Thu H (sinh năm 1996, nơi cư trú Ngõ H T, phường T, quận K, thành phố H) có 01 khoản vay:

Ngày 08/6/2022, chị H vay của TA số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 15 ngày) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị H đã trả tiền lãi cho TA 05 kỳ thì bị công an phát hiện. Số tiền gốc chị H chưa trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Tổng số tiền lãi chị H đã trả là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 164.384 đồng (Một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.335.616 đồng** (*Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

1.16. Anh Bùi Việt A (sinh năm 2001, nơi cư trú Số J P, phường T, quận K, thành phố H) có 04 khoản vay:

Phạm TA cho anh VA vay theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm, cao gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Anh VA đã vay của TA 04 khoản vay cụ thể:

- *Lần 1:* Ngày 05/6/2022, anh VA vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Anh VA đã trả tiền lãi cho TA 05 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh VA chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi anh VA đã trả là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 410.959 đồng (Bốn trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **2.589.041 đồng** (*Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng*).

- *Lần 2*: Ngày 22/6/2022, anh VA vay của TA số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng). Anh VA đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ và 04 ngày thì tắt toán khoản vay. TA giảm cho anh VA 60.000 đồng (Sáu mươi nghìn đồng) nên tổng số tiền lãi anh VA đã trả là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 350.685 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **2.149.315 đồng (Hai triệu một trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm đồng)**.

- *Lần 3*: Ngày 25/8/2022, anh VA vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Anh VA đã trả tiền lãi cho TA 03 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh VA chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi Việt Anh đã trả là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 246.575 đồng (Hai trăm bốn sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.553.425 đồng (Một triệu năm trăm năm ba nghìn bốn trăm hai lăm đồng)**.

- *Lần 4*: Ngày 13/10/2022, anh VA vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Anh VA đã trả tiền lãi cho TA 01 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh VA chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi Việt Anh đã trả là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 82.192 đồng (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **517.808 đồng (Năm trăm mười bảy nghìn tám trăm linh tám đồng)**.

1.17. Anh Bùi Văn C (sinh năm 1995, nơi cư trú thôn L, xã M, huyện A, H) có 01 khoản vay:

Ngày 10/10/2022, anh C vay của TA số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Anh C đã trả tiền lãi cho TA 01 kỳ thì việc vay tiền của TA bị Công an phát hiện. Số tiền gốc anh C chưa trả là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi Việt Anh đã trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 82.192 đồng (Tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **667.808 đồng (Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng)**.

1.18. Bà Đinh Thị T (sinh năm 1953, nơi cư trú tổ N, phường V, quận K, H) có 01 khoản vay:

Ngày 09/6/2022, bà T vay của TA số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 15 ngày) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Bà T đã trả tiền lãi cho TA 02 kỳ và 05 ngày thì

tất toán khoản vay. Tổng số tiền lãi bà T đã trả là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 191.781 đồng (Một trăm chín một nghìn bảy trăm tám một đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **1.558.219 đồng (Một triệu năm trăm năm tám nghìn hai trăm mười chín đồng)**.

Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính Phạm TA đã được hưởng khi cho 18 khách hàng vay tiền tại quận K, thành phố H là **168.404.811 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm linh bốn nghìn tám trăm mười một đồng)**.

2. Các khách có giao dịch vay tiền với Phạm TA và Trịnh Văn T

TA và T thống nhất: khi có khách vay tiền, Thẻ sẽ liên lạc với TA và TA sẽ chuyển khoản số tiền góp vào cho khách vay đến tài khoản của T. Khi nhận được tiền lãi, Thẻ sẽ chuyển khoản lại vào tài khoản của TA, các khách hàng cụ thể như sau:

2.1. Bà Đặng Thị Kim C (sinh năm 1973, nơi cư trú Số Z P, phường J, quận G, thành phố H) có 06 khoản vay:

- *Lần 1*: Ngày 07/6/2022, bà C vay của T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 ngày) với lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng). TA góp 5.000.000 đồng, T góp 5.000.000 đồng. Bà C đã trả tiền lãi cho Thẻ 100 kỳ thì việc vay tiền bị phát hiện. Số tiền nợ gốc bà C chưa trả là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng số tiền lãi bà C đã trả là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 547.945 đồng (Năm trăm bốn bảy nghìn chín trăm bốn lăm đồng) (TA được hưởng 273.972 đồng, Thẻ được hưởng 273.972 đồng), số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là **9.452.055 đồng (Chín triệu bốn trăm năm hai nghìn không trăm năm lăm đồng)** (TA được hưởng 4.726.027 đồng, Thẻ được hưởng 4.726.027 đồng).

- *Lần 2*: Giữa tháng 6 năm 2022, bà C vay của T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), theo hình thức họ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Khoản tiền này Thẻ bỏ ra cho bà C vay, TA không tham gia. Bà C đã tất toán khoản vay. Số tiền lãi bà C đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 65.753 đồng (Sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **934.247 đồng (Chín trăm ba tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng)**.

- *Lần 3*: Ngày 26/9/2022, bà C vay của T số tiền 25.000.000 đồng (hai lăm triệu đồng), theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 ngày) với lãi suất 10.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 365%/năm, cao gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). TA góp 10.000.000 đồng, T góp 15.000.000 đồng. Bà C đã trả tiền lãi cho T 36 kỳ thì việc vay tiền bị phát hiện. Số

tiền gốc bà C chưa trả là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). Tổng số tiền lãi bà C đã trả là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 493.151 đồng (Bốn trăm chín mươi ba nghìn một trăm năm mươi một đồng)(TA được hưởng 197.260 đồng, T được hưởng là 295.891 đồng), số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là **8.506.849 đồng (tám triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng)**(TA được hưởng là 3.402.740 đồng, T được hưởng 5.104.109 đồng).

- *Lần 4:* Ngày 17/7/2022, bà C vay của T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), theo hình thức hộ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Khoản tiền này TA bỏ ra cho bà C vay, T thu tiền lãi hộ. Bà C đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi bà C đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 65.753 đồng (Sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **934.247 đồng (Chín trăm ba tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng)**.

- *Lần 5:* Ngày 05/8/2022, bà C vay của T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), theo hình thức hộ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Khoản tiền này TA bỏ ra cho bà C vay, T thu tiền lãi hộ. Bà C đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi bà C đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 65.753 đồng (Sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **934.247 đồng (Chín trăm ba tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng)**.

- *Lần 6:* Ngày 30/8/2022, bà C vay của T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), theo hình thức hộ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Khoản tiền này TA bỏ ra cho bà C vay, T thu tiền lãi hộ. Bà C đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi bà C đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 65.753 đồng (Sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **934.247 đồng (Chín trăm ba tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng)**.

* Ngoài ra, bà C còn nhờ một người tên L (không rõ lai lịch, địa chỉ) vay Thẻ 03 khoản vay. Người phụ nữ trên chỉ đứng ra vay tiền hộ bà C còn mọi giao dịch đều là bà C làm việc với T, cụ thể:

- *Lần 1:* Ngày 30/7/2022, bà C vay của T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), theo hình thức hộ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Khoản tiền này TA bỏ ra cho bà C vay, T thu tiền lãi hộ. Bà C đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi bà C đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định

pháp luật là 65.753 đồng (Sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **934.247 đồng (Chín trăm ba tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng).**

- *Lần 2:* Ngày 18/08/2022, bà C vay của T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), theo hình thức hộ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Khoản tiền này TA bỏ ra cho bà C vay, T thu tiền lãi hộ. Bà C đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi bà C đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 65.753 đồng (Sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **934.247 đồng (Chín trăm ba tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng).**

- *Lần 3:* Ngày 08/09/2022, bà C vay của T số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), theo hình thức hộ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). Khoản tiền này TA bỏ ra cho bà C vay, T thu tiền lãi hộ. Bà C đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi bà C đã trả là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 65.753 đồng (Sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm ba đồng), số tiền thu lợi bất chính của TA là **934.247 đồng (Chín trăm ba tư nghìn hai trăm bốn bảy đồng).**

2.2. Chị Võ Như N (sinh ngày 03/02/2005, nơi cư trú Khu chung cư K, phường 14, quận G, thành phố H) có 04 khoản vay:

- *Lần 1:* Ngày 18/08/2022, chị N vay của T số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), theo hình thức hộ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). TA góp 5.000.000 đồng, T góp 10.000.000 đồng. Chị N đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi chị N đã trả là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 197.260 đồng (Một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là **2.802.740 đồng (Hai triệu tám trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).**

- *Lần 2:* Ngày 31/08/2022, chị N vay của T số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), theo hình thức hộ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). TA góp 5.000.000 đồng, T góp 10.000.000 đồng. Chị N đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi chị N đã trả là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 197.260 đồng (Một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là **2.802.740 đồng (Hai triệu tám trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).**

- *Lần 3:* Ngày 10/09/2022, chị N vay của T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), theo hình thức hộ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 4.000.000

đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). TA góp 5.000.000 đồng, T góp 15.000.000 đồng. Chị N đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi chị N đã trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 263.014 đồng (Hai trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng), số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là **3.736.986 đồng (Ba triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng)**.

- *Lần 4*: Ngày 23/09/2022, chị N vay của T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), theo hình thức họ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). TA góp 5.000.000 đồng, T góp 15.000.000 đồng. Chị N đã đóng được 11 ngày. Số tiền gốc chị N đã trả là 9.166.667 đồng, số tiền gốc chị N chưa trả là 10.833.333 đồng. Số tiền lãi chị N đã trả là 1.833.333 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 120.548 đồng (Một trăm hai mươi nghìn năm trăm bốn mươi tám đồng); số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là **1.712.785 đồng (Một triệu bảy trăm mười hai nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng)**.

2.3. Chị Lê Thị Mỹ H (sinh năm 2003, nơi cư trú Số S N, phường A, quận G, thành phố H) có 02 khoản vay

- *Lần 1*: Khoảng tháng 8/2022, chị H vay của T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo hình thức họ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). TA góp 5.000.000 đồng, T góp 5.000.000 đồng. Chị H đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi chị H đã trả là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 131.507 đồng (Một trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là **1.868.493 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng)**.

- *Lần 2*: Khoảng nửa tháng sau, chị H vay của T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), theo hình thức họ góp (trả trong 24 ngày) với lãi suất 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho cả khoản vay (tương đương mức lãi suất 304,2%/năm, cao gấp 15,2 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). TA góp 5.000.000 đồng, T góp 5.000.000 đồng. Chị H đã tắt toán khoản vay. Số tiền lãi chị H đã trả là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 131.507 đồng (Một trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là **1.868.493 đồng (Một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng)**.

3. Khách có giao dịch vay tiền với Phạm TA và Nguyễn Huy H

TA và Hoàn thống nhất: khi có khách vay tiền, H sẽ liên lạc với TA và TA sẽ chuyển khoản số tiền góp vào cho khách vay đến tài khoản của Hoàn. Khi nhận được tiền lãi, H sẽ chuyển khoản lại vào tài khoản của TA, các khách hàng cụ thể như sau:

Anh Đào Ngọc T (sinh năm 1974, nơi cư trú Số F khu phố Đ, phường V, thành phố T, tỉnh B) có 02 khoản vay:

- **Lần 1:** Ngày 25/09/2022, anh T vay của H số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định), tiền lãi 01 kỳ phải trả là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Khoản tiền này TA bỏ ra cho anh T vay, H thu tiền lãi hộ. Anh T đã trả tiền lãi cho H 01 kỳ tất toán khoản vay. Số tiền lãi Việt Anh đã trả là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng); trong đó số tiền lãi theo quy định pháp luật là 328.767 đồng (Ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), số tiền thu lợi bất chính của khoản vay là **2.671.233 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).**

- **Lần 2:** Ngày 31/10/2022, anh T vay của H số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), theo hình thức lãi đứng (01 kỳ = 01 tháng) với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm, cao gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự 2015 quy định). TA góp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), H góp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Sau khi anh T vay tiền chưa đến ngày đóng tiền lãi tiếp theo thì việc cho vay của Phạm TA bị Cơ quan Công an phát hiện. Tiền gốc anh T chưa trả là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), anh T chưa đóng bất kỳ khoản tiền lãi nào cho khoản vay này; vì vậy, đối với khoản vay này TA và H chưa được hưởng thu lợi bất chính.

Tổng số tiền thu lợi bất chính Phạm TA phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho khách hàng vay tiền tại các địa bàn quận K, thành phố H và B là **210.416.224 đồng (Hai trăm mười triệu bốn trăm mười sáu nghìn hai trăm hai mươi bốn đồng).**

Tổng số tiền thu lợi bất chính Trịnh Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự khi cho khách hàng vay tiền tại thành phố H là **39.290.867 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng).**

Tổng số tiền thu lợi bất chính Nguyễn Huy H được hưởng khi cho khách hàng vay tiền tại B là **2.671.233 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng).**

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm TA, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K thu giữ 01 (Một) cây máy tính màu đen nhãn hiệu Xigmatek, 01 (Một) màn hình HKC, 01 (Một) bàn phím màu đen nhãn hiệu Lightning, 01 (Một) chuột máy tính màu đen nhãn hiệu Dareu; 01 (Một) căn cước công dân số 031083002998 mang tên Phạm Minh T, sinh ngày: 03/07/1983, nơi thường trú: tổ 17 phường L, K, H. Phạm TA tự nguyện giao nộp 01 (Một) điện thoại di động Iphone 8 Plus màu hồng đã qua sử dụng của Phạm TA, có số máy: NQ8N2LL/A, số sê-ri: GHJWQ1H9JCM4, IMEI: 359500085839179.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K thu giữ 01 quyển sổ màu xanh T sử dụng để ghi lịch sử đóng

tiền. Đối với điện thoại và sim dùng liên lạc với TA, T đã bán nên không thu hồi được.

Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Huy H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận K không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì. Nguyễn Huy H tự nguyện giao nộp 01 (Một) điện thoại di động Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng của Nguyễn Huy H, có số máy MNCE2J/A, số sê-ri: FK1SLETQHG7X, IMEI: 359182075831241.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trích xuất dữ liệu từ ứng dụng MeCash với tên đăng nhập và mật khẩu của Phạm TA sử dụng ghi nhận những khoản vay, lãi suất, thời gian vay, thời gian trả tiền của các khách hàng nêu trên; trích xuất trong Zalo của Phạm TA có nội dung trao đổi thông tin về việc cho vay giữa TA và T.

Ngày 17/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận K ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can đối với Phạm TA, ngày 12/01/2023 ra quyết định khởi tố bị can đối với Trịnh Văn T về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Bản Cáo trạng số 41/CT-VKSKA ngày 23/5/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H truy tố Phạm TA về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; truy tố Trịnh Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố H vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm TA, Trịnh Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K đề nghị:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Phạm TA từ 09 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trịnh Văn T từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Phạm TA từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng; phạt bị cáo Trịnh Văn T từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu Xigmatek, 01 màn hình HKC, 01 bàn phím màu đen nhãn hiệu Lightning, 01 chuột máy tính màu đen nhãn hiệu Dareu, 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu hồng đã qua sử dụng. Trả lại Nguyễn Huy H 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng.

- Buộc bị cáo Phạm TA phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền là 538.916.299 (Năm trăm ba mươi tám triệu chín trăm mười sáu nghìn hai trăm chín

mười chín) đồng (Trong đó 517.666.984 đồng là tiền Phạm TA đã sử dụng để cho vay lãi nặng và đã được người vay thanh toán, 21.249.315 đồng là khoản tiền lãi phát sinh từ việc cho vay lãi nặng).

- Buộc bị cáo Phạm TA phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính là 189.959.035 (*Một trăm tám mươi chín triệu chín trăm năm mươi chín nghìn không trăm ba mươi lăm*) đồng, cụ thể như sau:

Trả lại Phạm Minh T số tiền là 6.010.273 đồng;
Trả lại Trần Minh S số tiền là 1.335.616 đồng;
Trả lại Đặng Thị H số tiền là 1.224.315 đồng;
Trả lại Nguyễn Thành L số tiền là 17.956.621 đồng;
Trả lại Trần Quang H số tiền là 3.106.849 đồng;
Trả lại Nguyễn Thị K số tiền là 6.151.158 đồng;
Trả lại Nguyễn Anh V số tiền là 7.249.315 đồng;
Trả lại Bùi Quang H số tiền là 56.381.278 đồng;
Trả lại Nguyễn Hoàng N số tiền là 20.101.027 đồng;
Trả lại Trần Hải L số tiền là 28.631.506 đồng;
Trả lại Nguyễn Ngọc P số tiền là 1.553.424 đồng;
Trả lại Phạm Thanh T số tiền là 1.035.616 đồng;
Trả lại Vũ Minh Q số tiền là 5.342.466 đồng;
Trả lại Phạm Lâm P số tiền là 2.003.425 đồng;
Trả lại Trần Thị Thu H số tiền là 1.335.616 đồng;
Trả lại Bùi Việt A số tiền là 6.809.589 đồng;
Trả lại Bùi Văn C số tiền là 667.808 đồng;
Trả lại Đinh Thị T số tiền là 1.558.219 đồng;
Trả lại Đặng Thị Kim C số tiền là 13.734.250 đồng;
Trả lại Võ Như N số tiền là 3.230.938 đồng;
Trả lại Lê Thị Mỹ H số tiền là 1.868.493 đồng;
Trả lại Đào Ngọc T số tiền là 2.671.233 đồng;

- Buộc bị cáo Trịnh Văn T phải nộp sung vào ngân sách nhà nước số tiền là 58.192.810 đồng; (Trong đó: 56.875.000 đồng là tiền Trịnh Văn T đã sử dụng để cho vay lãi nặng đã được người vay thanh toán, 1.317.810 đồng là khoản tiền lãi phát sinh từ việc cho vay lãi nặng).

- Buộc Trịnh Văn T phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính là 20.457.189 đồng, cụ thể như sau:

Trả lại Đặng Thị Kim C số tiền là 10.764.384 đồng;
Trả lại Võ Như N số tiền là 7.824.313 đồng;
Trả lại Lê Thị Mỹ H số tiền là 1.868.493 đồng;

- Buộc những vay nhưng chưa tất toán khoản vay phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền là 394.458.016 đồng, cụ thể như sau:

Phạm Minh T phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng;
Trần Minh S phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng;
Đặng Thị H phải nộp số tiền là 3.125.000 đồng;
Nguyễn Thành L phải nộp số tiền là 55.833.000 đồng;
Trần Quang H phải nộp số tiền là 30.000.000 đồng;
Nguyễn Thị K phải nộp số tiền là 17.333.350 đồng;
Nguyễn Anh V phải nộp số tiền là 20.000.000 đồng;
Bùi Quang H phải nộp số tiền là 28.333.333 đồng;
Nguyễn Hoàng N phải nộp số tiền là 50.000.000 đồng;
Trần Hải L phải nộp số tiền là 30.000.000 đồng;
Nguyễn Ngọc P phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng;
Phạm Thanh T phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng;
Vũ Minh Q phải nộp số tiền là 10.000.000 đồng;
Phạm Lâm P phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng;
Trần Thị Thu H phải nộp số tiền là 4.000.000 đồng;
Bùi Việt A phải nộp số tiền là 15.000.000 đồng;
Bùi Văn C phải nộp số tiền là 5.000.000 đồng;
Đặng Thị Kim C phải nộp số tiền là 35.000.000 đồng;
Võ Như N phải nộp số tiền là 10.833.333 đồng;
Đào Ngọc T phải nộp số tiền là 40.000.000 đồng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Các bị cáo không có ý kiến gì đối với quan điểm luận tội của Viện Kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận K thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận K thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên các tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng Đặng Thị H, Trần Quang H, Nguyễn Ngọc P, Phạm Thanh T, Vũ Minh Q vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt; Phạm Minh T, Trần Minh S, Nguyễn Thành L, Nguyễn Thị K, Nguyễn Anh V, Bùi Quang H, Nguyễn Hoàng N, Trần Hải L, Phạm Lâm P, Trần Thị Thu H, Bùi Việt A, Bùi Văn C, Đinh Thị T, Đặng Thị Kim C, Võ Như N, Lê Thị Mỹ H, Đào Ngọc T và Nguyễn Huy H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nêu trên đã có lời khai trực tiếp tại cơ quan điều tra. Xét thấy việc vắng mặt của những người nêu trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử và công bố lời khai của những người vắng mặt tại phiên tòa.

- Về tội danh:

[3] Tại phiên tòa, Phạm TA và Trịnh Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 11/2022, Phạm TA đã cho 22 khách hàng vay tổng số tiền 969.000.000 đồng, bằng hình thức lãi đứng và họ góp với lãi suất từ 146%/năm đến 365%/năm, cao gấp từ 7,3 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, đã thu lời bất chính 210.416.224 đồng; trong đó Trịnh Văn T tham gia cùng Phạm TA cho 04 khách hàng vay tổng số tiền 160.000.000 đồng bằng hình thức lãi đứng và họ góp với lãi suất từ 304,2%/năm đến 365%/năm, cao gấp từ 15,2 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, thu lời bất chính 39.290.867 đồng. Hành vi của Phạm TA và Trịnh Văn T đã vi phạm Điều 201 Bộ luật Hình sự, phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[4] Với việc cho vay với lãi suất từ 146%/năm đến 365%/năm, cao gấp từ 7,3 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và thu lời bất chính 210.416.224 đồng Phạm TA đã vi phạm khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[5] Trịnh Văn T cùng với Phạm TA cho vay với lãi suất từ 304,2%/năm đến 365%/năm, cao gấp từ 15,2 lần đến 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự và thu lời 39.290.867 đồng, Trịnh Văn T đã vi phạm khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”

Như vậy, Viện Kiểm sát nhân dân quận K đã truy tố Phạm TA và Trịnh Văn T ra trước Toà án nhân dân quận K để xét xử về tội danh theo điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội; không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, đây là nguyên nhân làm phát sinh những loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự và an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc để răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, cần xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm TA, bị cáo Trịnh Văn T đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm TA, bị cáo Trịnh Văn T đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Phạm TA có thời gian phục vụ trong quân đội, Phạm TA còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[9] Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*”. Cần áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự, phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm TA và Trịnh Văn T để thể hiện rõ sự nghiêm minh của pháp luật.

- Các nội dung khác:

[10] Đối với Nguyễn Huy H: Với số tiền thu lời bất chính của H chưa đủ cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên Cơ quan điều tra đã có Công văn đề nghị Ủy ban nhân dân quận K xử phạt vi phạm hành chính đối với Hoàn về hành vi nêu trên.

[11] Đối với hai khách hàng là T (T) và Thúy K (N) hiện chưa xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra tách riêng hai khách hàng trên tiếp tục điều tra, xử lý sau.

[12] Đối với ứng dụng MeCash (Phần mềm ứng dụng để quản lý hoạt động cầm đồ, cho vay tín chấp, hộ góp): Cơ quan cảnh sát điều tra công an quận K đã xác định không có sự liên quan cũng như hưởng lợi giữa Phạm TA và nhà cung cấp ứng dụng MeCash từ hoạt động cho vay lãi nặng.

- Về vật chứng:

[13] Vật chứng của vụ án gồm: 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu Xigmatek, 01 màn hình HKC, 01 bàn phím màu đen nhãn hiệu Lightning, 01 chuột máy tính màu đen nhãn hiệu Dareu; 01 căn cước công dân số 031083002998 mang tên Phạm Minh T, sinh ngày 03/7/1983, nơi thường trú: Tổ 17, phường L, quận K, thành phố H; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu hồng đã qua sử dụng; 01 quyển sổ màu xanh; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng.

[13.1] Đối với 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu Xigmatek, 01 màn hình HKC, 01 bàn phím màu đen nhãn hiệu Lightning, 01 chuột máy tính màu đen nhãn hiệu Dareu; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus là những công cụ phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[13.2] Đối với 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen thu giữ của Nguyễn Huy H. Nguyễn Huy H không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nên trả lại điện thoại Iphone 7 màu đen cho Nguyễn Huy H.

[13.3] Đối với 01 căn cước công dân số 031083002998 mang tên Phạm Minh T Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Minh T.

[13.4] Đối với 01 quyển sổ màu xanh thu giữ của Trịnh Văn T đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Trịnh Văn T cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[14] Đối với khoản tiền các bị cáo sử dụng để cho vay, khoản tiền thu của người vay, tiền lãi thu theo quy định, tiền thu lời bất chính:

[14.1] Tổng số tiền Phạm TA, Trịnh Văn T sử dụng để cho vay là 969.000.000 đồng (Trong đó 884.000.000 đồng là của Phạm TA, 85.000.000 đồng là của Trịnh Văn T), đây là công cụ phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên người vay mới trả được số tiền là 574.541.984 đồng (trong đó đã trả cho Phạm TA là 517.666.984 đồng, đã trả cho Trịnh Văn T là 56.875.000 đồng), số tiền người vay đã trả cho Phạm TA và Trịnh Văn T phải nộp vào ngân sách nhà nước; số tiền người vay chưa trả là 394.458.016 đồng (Trong đó chưa trả Phạm TA là 346.333.016 đồng, chưa trả cho Trịnh Văn T là 28.125.000 đồng, chưa trả cho Nguyễn Huy H là 20.000.000 đồng) thì những người vay là Phạm Minh T, Trần Minh S, Đặng Thị H, Nguyễn Thành L, Trần Quang H, Nguyễn Thị K, Nguyễn Anh V, Bùi Quang H phải, Nguyễn Hoàng N, Trần Hải L, Nguyễn Ngọc P, Phạm Thanh T, Vũ Minh Q, Phạm Lâm P, Trần Thị Thu H, Bùi Việt A, Bùi Văn C, Đặng Thị Kim C, Võ Như N, Đào Ngọc T phải có trách nhiệm nộp khoản tiền chưa trả vào Ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Trần Quang H, Nguyễn Ngọc P, Vũ Minh Q trình bày là đã thanh toán hết khoản tiền vay cho Phạm TA, tuy nhiên Trần Quang H, Nguyễn Ngọc P, Vũ Minh Q không nộp tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

[14.2] Bị cáo Phạm TA và Trịnh Văn T đã thu của người vay tổng số tiền là 232.983.349 đồng. Trong đó có 22.567.125 đồng là khoản tiền thu lãi theo đúng

quy định của pháp luật (21.249.315 đồng là Phạm TA thu, 1.317.810 đồng là Trịnh Văn T thu), số tiền này do phát sinh từ giao dịch dân sự trái pháp luật nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; số tiền còn lại là 210.416.224 đồng là tiền thu lời bất chính (Phạm TA hưởng 189.959.035 đồng, Trịnh Văn T hưởng 20.457.189 đồng) số tiền này phải trả lại cho những người vay; cụ thể như sau: Phạm TA phải trả lại số tiền được hưởng từ việc thu lời bất chính của những người vay là Phạm Minh T, Trần Minh S, Đặng Thị H, Nguyễn Thành L, Trần Quang H, Nguyễn Thị K, Nguyễn Anh V, Bùi Quang H, Nguyễn Hoàng N, Trần Hải L, Nguyễn Ngọc P, Phạm Thanh T, Vũ Minh Q, Phạm Lâm P, Trần Thị Thu H, Bùi Việt A, Bùi Văn C, Đinh Thị T, Đặng Thị Kim C, Võ Như N, Lê Thị Mỹ H, Đào Ngọc T; Trịnh Văn T phải trả lại số tiền được hưởng từ việc thu lời bất chính của những người vay là Đặng Thị Kim C, Võ Như N, Lê Thị Mỹ H.

- Về án phí:

[15] Theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm TA, bị cáo Trịnh Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, ngoài ra Phạm TA, Trịnh Văn T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền thu lời bất chính mà các bị cáo phải hoàn trả cho những người vay, cụ thể:

Phạm TA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

$$189.959.035 \text{ đồng} \times 5\% = 9.497.952 \text{ đồng.}$$

Trịnh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

$$20.457.189 \text{ đồng} \times 5\% = 1.022.859 \text{ đồng.}$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phạm TA 09 (Chín) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ 08/11/2022.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm TA 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trịnh Văn T 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện A, thành phố H nhận được quyết định Thi hành án. Giao bị cáo Trịnh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố H giám sát, giáo dục. Trong thời gian chấp hành án, Trịnh Văn T phải

thực hiện nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và hàng tháng Trịnh Văn T bị khấu trừ 5% thu nhập để sung quỹ nhà nước.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Trịnh Văn T.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trịnh Văn T 40.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Vật chứng của vụ án: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu Xigmatek, 01 màn hình HKC, 01 bàn phím màu đen nhãn hiệu Lightning, 01 chuột máy tính màu đen nhãn hiệu Dareu; 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu hồng đã qua sử dụng. Trả lại Nguyễn Huy H 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng. Theo Biên bản giao vật chứng tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố H.

(1) Buộc bị cáo Phạm TA phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền là 538.916.299 (*Năm trăm ba mươi tám triệu chín trăm mười sáu nghìn hai trăm chín mươi chín*) đồng (Trong đó 517.666.984 đồng là tiền Phạm TA đã sử dụng để cho vay lãi nặng và đã được người vay thanh toán, 21.249.315 đồng là khoản tiền lãi phát sinh từ việc cho vay lãi nặng).

(2) Buộc bị cáo Phạm TA phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính là 189.959.035 (*Một trăm tám mươi chín triệu chín trăm năm mươi chín nghìn không trăm ba mươi lăm*) đồng, cụ thể như sau:

Trả lại Phạm Minh T số tiền là 6.010.273 (*Sáu triệu không trăm mười nghìn hai trăm bảy mươi ba*) đồng;

Trả lại Trần Minh S số tiền là 1.335.616 (*Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu*) đồng;

Trả lại Đặng Thị H số tiền là 1.224.315 (*Một triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm mười lăm*) đồng;

Trả lại Nguyễn Thành L số tiền là 17.956.621 (*Mười bảy triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi mốt*) đồng;

Trả lại Trần Quang H số tiền là 3.106.849 (*Ba triệu một trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín*) đồng;

Trả lại Nguyễn Thị K số tiền là 6.151.158 (*Sáu triệu một trăm năm mươi mốt nghìn một trăm năm mươi tám*) đồng;

Trả lại Nguyễn Anh V số tiền là 7.249.315 (*Bảy triệu hai trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười lăm*) đồng;

Trả lại Bùi Quang H số tiền là 56.381,278 (*Năm mươi sáu triệu ba trăm tám mươi mốt nghìn hai trăm bảy mươi tám*) đồng;

Trả lại Nguyễn Hoàng N số tiền là 20.101.027 (*Hai mươi triệu một trăm linh một nghìn không trăm hai mươi bảy*) đồng;

Trả lại Trần Hải L số tiền là 28.631.506 (*Hai mươi tám triệu sáu trăm ba mươi mốt nghìn năm trăm linh sáu*) đồng;

Trả lại Nguyễn Ngọc P số tiền là 1.553.424 (Một triệu năm trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng;

Trả lại Phạm Thanh T số tiền là 1.035.616 (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu) đồng;

Trả lại Vũ Minh Q số tiền là 5.342.466 (Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng;

Trả lại Phạm Lâm P số tiền là 2.003.425 (Hai triệu không trăm linh ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm) đồng;

Trả lại Trần Thị Thu H số tiền là 1.335.616 (Một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu) đồng;

Trả lại Bùi Việt A số tiền là 6.809.589 (Sáu triệu tám trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín) đồng;

Trả lại Bùi Văn C số tiền là 667.808 (Sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám) đồng;

Trả lại Đinh Thị T số tiền là 1.558.219 (Một triệu năm trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười chín) đồng;

Trả lại Đặng Thị Kim C số tiền là 13.734.250 (Mười ba triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi) đồng;

Trả lại Võ Như N số tiền là 3.230.938 (Ba triệu hai trăm ba mươi nghìn chín trăm ba mươi tám) đồng;

Trả lại Lê Thị Mỹ H số tiền là 1.868.493 (Một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng;

Trả lại Đào Ngọc T số tiền là 2.671.233 (Hai triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba) đồng;

(3) Buộc bị cáo Trịnh Văn T phải nộp sung vào ngân sách nhà nước số tiền là 58.192.810 (Năm mươi tám triệu một trăm chín mươi hai nghìn tám trăm mười) đồng; (Trong đó: 56.875.000 đồng là tiền Trịnh Văn T đã sử dụng để cho vay lãi nặng đã được người vay thanh toán, 1.317.810 đồng là khoản tiền lãi phát sinh từ việc cho vay lãi nặng).

(4) Buộc Trịnh Văn T phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính là 20.457.189 (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn một trăm tám mươi chín) đồng, cụ thể như sau:

Trả lại Đặng Thị Kim C số tiền là 10.764.384 (Mười triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn) đồng;

Trả lại Võ Như N số tiền là 7.824.313 (Bảy triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn ba trăm mười ba) đồng;

Trả lại Lê Thị Mỹ H số tiền là 1.868.493 (Một triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng;

(5) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với khoản tiền bị cáo Phạm TA, bị cáo Trịnh Văn T phải trả cho người được thi hành án là Phạm Minh T, Trần Minh S, Đặng Thị H, Nguyễn Thành L, Trần Quang H, Nguyễn Thị K, Nguyễn Anh V,

Bùi Quang H, Nguyễn Hoàng N, Trần Hải L, Nguyễn Ngọc P, Phạm Thanh T, Vũ Minh Q, Phạm Lâm P, Trần Thị Thu H, Bùi Việt A, Bùi Văn C, Đinh Thị T, Đặng Thị Kim C, Võ Như N, Lê Thị Mỹ H, Đào Ngọc T) thì hàng tháng bị cáo Phạm TA, bị cáo Trịnh Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

(6) Buộc những người vay nhưng chưa tất toán khoản vay phải nộp vào ngân sách nhà nước số tiền là 394.458.016 (*Ba trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn không trăm mười sáu*) đồng, cụ thể như sau:

Phạm Minh T phải nộp số tiền là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng;

Trần Minh S phải nộp số tiền là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng;

Đặng Thị H phải nộp số tiền là 3.125.000 (*Ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng;

Nguyễn Thành L phải nộp số tiền là 55.833.000 (*Năm mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba*) đồng;

Trần Quang H phải nộp số tiền là 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng;

Nguyễn Thị K phải nộp số tiền là 17.333.350 (*Mười bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm năm mươi*) đồng;

Nguyễn Anh V phải nộp số tiền là 20.000.000 (*Hai mươi triệu*) đồng;

Bùi Quang H phải nộp số tiền là 28.333.333 (*Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba*) đồng;

Nguyễn Hoàng N phải nộp số tiền là 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng;

Trần Hải L phải nộp số tiền là 30.000.000 (*Ba mươi triệu*) đồng;

Nguyễn Ngọc P phải nộp số tiền là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng;

Phạm Thanh T phải nộp số tiền là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng;

Vũ Minh Q phải nộp số tiền là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng;

Phạm Lâm P phải nộp số tiền là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng;

Trần Thị Thu H phải nộp số tiền là 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng;

Bùi Việt A phải nộp số tiền là 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng;

Bùi Văn C phải nộp số tiền là 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng;

Đặng Thị Kim C phải nộp số tiền là 35.000.000 (*Ba mươi lăm triệu*) đồng;

Võ Như N phải nộp số tiền là 10.833.333 (*Mười triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba*) đồng;

Đào Ngọc T phải nộp số tiền là 40.000.000 (*Bốn mươi triệu*) đồng.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Phạm TA, Trịnh Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Phạm TA phải chịu 9.497.952 (*Chín triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi hai*) đồng án phí

dân sự sơ thẩm, Trịnh Văn T phải chịu 1.022.859 (*Một triệu không trăm hai mươi hai nghìn tám trăm năm mươi chín*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo Phạm TA, Trịnh Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phạm Minh T, Trần Minh S, Đặng Thị H, Nguyễn Thành L, Trần Quang H, Nguyễn Thị K Nguyễn Anh V, Bùi Quang H, Nguyễn Hoàng N, Trần Hải L, Nguyễn Ngọc P, Phạm Thanh T, Vũ Minh Q, Phạm Lâm P, Trần Thị Thu H, Bùi Việt A, Bùi Văn C, Đinh Thị T Đặng Thị Kim C, Võ Như N, Lê Thị Mỹ H, Đào Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP H;
- VKSND TP H, quận K;
- Công an quận K;
- Thi hành án quận K; Sở tư pháp;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND xã A, huyện A, TP H;
- Bị cáo; Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Hương